

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

PHAN THỊ AI

**NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ MẠCH LẠC VĂN BẢN
TRONG BÀI LÀM VĂN CỦA HỌC SINH PHỔ THÔNG**

CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN NGÔN NGỮ
Mã số: 62.22.01.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. DƯ NGỌC NGÂN
2. PGS.TS. TRỊNH SÂM

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – NĂM 2011

MỤC LỤC

	Trang
Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục.....	1
Quy ước trình bày.....	3
Danh mục các bảng và sơ đồ.....	4
Mở đầu	
1. Lý do chọn đề tài và mục đích nghiên cứu	5
2. Lịch sử vấn đề	7
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	12
4. Phương pháp nghiên cứu và nguồn ngữ liệu.....	13
5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài	14
6. Cấu trúc của luận án.....	15

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ VĂN BẢN, ĐOẠN VĂN VÀ MẠCH LẠC

1.1. Văn bản	17
1.1.1. Vài nét về ngữ pháp văn bản.....	17
1.1.2. Khái niệm văn bản	19
1.1.3. Đặc điểm	22
1.2. Đoạn văn trong văn bản	37
1.2.1. Khái niệm đoạn văn	38
1.2.2. Phân loại đoạn văn	39
1.2.3. Cấu trúc đoạn văn.....	41
1.3. Mạch lạc của văn bản.....	51
1.3.1. Mạch lạc và liên kết	51
1.3.2. Mạch lạc trong văn bản nói và văn bản viết	64
1.3.3. Các cấp mạch lạc.....	68
1.4. Tiểu kết	74

Chương 2

LỖI VỀ MẠCH LẠC

TRONG BÀI TẬP LÀM VĂN CỦA HỌC SINH PHỔ THÔNG

2.1. Kết quả khảo sát	77
2.2. Lỗi về mạch lạc	82
2.2.1. Khái niệm	82
2.2.2. Phân biệt lỗi không mạch lạc và thiếu mạch lạc.....	84
2.3. Một số lỗi điển đạt thiếu mạch lạc	89
2.3.1. Lỗi câu.....	90
2.3.2. Lỗi đoạn.....	109
2.3.3. Lỗi văn bản.....	122

2.4. Tiêu kết 130

Chương 3

CHUẨN MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN TẬP LÀM VĂN

3.1. Văn bản tập làm văn mạch lạc	133
3.1.1. Hình thức một văn bản tập làm văn mạch lạc.....	136
3.1.2. Nội dung một văn bản tập làm văn mạch lạc.....	139
3.2. Những quan hệ tạo nên mạch lạc trong bài tập làm văn	151
3.2.1 Quan hệ liên kết	151
3.2.2. Quan hệ ngữ nghĩa	160
3.3. Tiểu kết.....	181
Kết luận	183
Danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả.....	187
Tài liệu tham khảo.....	188
Phụ lục.....	194
- Phiếu nhận xét.....	194
- Thống kê số liệu.....	195
- Những ví dụ về câu văn, đoạn văn diễn đạt thiếu mạch lạc	213

QUY ƯỚC TRÌNH BÀY

1. Các bảng biểu, sơ đồ được đánh số theo các chương mục của Luận án để tiện theo dõi.
2. Việc trích dẫn các tài liệu được ghi theo số thứ tự của danh mục “Tài liệu tham khảo” và được đặt trong dấu ngoặc vuông. Số đầu tiên là số thứ tự của tài liệu, số kế tiếp là số thứ tự của trang trong tài liệu.
3. Các ví dụ được đánh số theo thứ tự tăng dần (1), (2), (3),... đến hết.
4. Chú thích nguồn cứ liệu: những câu văn, đoạn văn trong phần phụ lục thì chú thích là (Phụ lục); những câu văn, đoạn văn viết tắt trích từ bài làm văn của học sinh thì ghi là (Bài làm của học sinh); trích trong tác phẩm văn học ghi tên tác giả, ví dụ như (Tô Hoài).
5. Chữ viết tắt: THCS: trung học cơ sở; THPT: trung học phổ thông, NAN: Nguyễn An Ninh.

DANH MỤC BẢNG VÀ SƠ ĐỒ

STT	Số bảng, sơ đồ	Tên bảng và sơ đồ	Số trang
1	1.1	Sơ đồ: Cấu trúc văn bản	25
2	1.2	Sơ đồ: Cấu trúc văn bản tập làm văn	26
3	1.3	Sơ đồ: Cấu trúc câu chuyện “Phản thưởng”	27
4	1.4	Sơ đồ: Cấu trúc đoạn văn diễn dịch – quy nạp	28
5	1.5	Sơ đồ: Cách phân loại đoạn văn	40
6	1.6	Sơ đồ: Cấu trúc đoạn văn diễn dịch	41
7	1.7	Sơ đồ: Cấu trúc đoạn văn quy nạp	42
8	1.8	Sơ đồ: Cấu trúc đoạn văn diễn dịch – quy nạp	43
9	1.9	Sơ đồ: Cấu trúc đoạn văn song hành tự do	45
10	1.10	Sơ đồ: Cấu trúc đoạn văn song hành tuyến tính	45
11	1.11	Sơ đồ: Cấu trúc đoạn văn theo quan hệ đồng thời	46
12	1.12	Sơ đồ: Cấu trúc đoạn văn theo quan hệ thời gian	47
13	1.13	Sơ đồ: Cấu trúc văn bản “Hội thi nấu cơm”	57
14	1.14	Sơ đồ: Quan hệ giữa các thành phần câu ở VD (55)	68
15	1.15	Sơ đồ: Quan hệ giữa các thành phần câu ở VD (56)	68
16	1.16	Sơ đồ: Quan hệ giữa các thành phần câu ở VD (59)	69
17	1.17	Sơ đồ: Quan hệ về nội dung giữa đoạn văn ở VD (60)	71
18	1.18	Sơ đồ: Quan hệ giữa các câu ở VD (61)	72
19	1.19	Sơ đồ: Quan hệ về nội dung giữa đoạn văn ở VD (64)	73
20	2.1	Bảng: Thống kê các loại lỗi	78
21	2.2	Bảng: Thống kê các loại lỗi theo trường	79
22	2.3	Bảng: Thống kê các loại lỗi theo đơn vị lớp	81
23	2.4	Bảng: Thống kê lỗi về câu	92
24	2.5	Bảng: Thống kê lỗi về dùng từ	95
25	2.6	Bảng: Thống kê lỗi diễn đạt thiếu ý	111,112
26	2.7	Bảng: Thống kê lỗi diễn đạt trùng lặp	114
27	2.8	Bảng: Thống kê lỗi diễn đạt lan man	117
28	2.9	Bảng: Thống kê lỗi không tách đoạn	125
29	2.10	Biểu đồ: Các mức độ lỗi trong bài tập làm văn	80
30	2.11	Sơ đồ: Quan hệ giữa các câu ở VD (65)	83
31	2.12	Sơ đồ: Các dạng lỗi diễn đạt thiếu mạch lạc	89
32	2.13	Sơ đồ: Cấu trúc nội dung của VD (145)	123
33	3.1	Sơ đồ: Cấu trúc quan hệ các đoạn trong “Cây tre ...”	164
34	3.2	Sơ đồ: Cấu trúc của văn bản “Phan Văn Trĩ”	169
35	3.3	Sơ đồ: Cấu trúc trong VD (223)	178

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI VÀ MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

1.1. Lý do chọn đề tài

Vào những năm 70 của thế kỷ XX, trên thế giới, các công trình nghiên cứu về lĩnh vực ngôn ngữ học văn bản phát triển mạnh mẽ và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ, tiêu biểu như công trình của W. Dressler (1970), P. Hartmann (1972), G. Kassai (1976), M.A.K. Halliday & Hassan (1976), M. Coulthard (1977). Sau đó, ở Việt Nam, cũng có nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực này của các tác giả như Nguyễn Trọng Báu - Nguyễn Quang Ninh - Trần Ngọc Thêm (1985), Trần Ngọc Thêm (1989, 2000), Diệp Quang Ban (1998, 2002, 2006, 2009), Trịnh Sâm – Nguyễn Nguyên Trứ (1989) v.v. Những thành tựu nghiên cứu về ngữ pháp văn bản đã được đưa vào giảng dạy trong nhà trường nhằm mở rộng và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho học sinh, sinh viên.

Tuy nhiên, phần lớn nội dung dạy học tiếng Việt trong trường phổ thông, vẫn còn thuộc lĩnh vực từ vựng và ngữ pháp câu. Việc xác định từ đơn, từ ghép; xác định các thành phần câu trong thực hành tiếng Việt, nhất là trong các tác phẩm văn học, vẫn còn những quan điểm chưa thống nhất. N.D. Arutjunova đã rút ra nhận định chung rằng: “Ra khỏi phạm vi của những câu kinh điển, người nghiên cứu rơi vào một đại dương rộng mở và không bờ bến của những câu [...] rất ít được quy phạm hoá về mặt hình thức” [82, tr. 14]. Và E. Benveniste cũng đã cho rằng câu là sự sáng tạo không cùng và cũng là sự đa dạng không có giới hạn. Vì vậy, những công trình nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt ngày càng nhiều và đạt được những thành tựu không nhỏ.

Trong thực tế, nhiều trường hợp sử dụng tiếng Việt của học sinh cho thấy việc học sinh viết đúng hay sai ngữ pháp không quan trọng bằng việc diễn đạt rõ ràng, khúc chiết và mạch lạc vì văn chương hay, dù chỉ một đoạn, một câu cũng phải mạch lạc và chặt chẽ. Quan sát đoạn văn sau:

(1) Điều đáng chú ý là thiên nhiên chuyển biến thật mau lẹ, vũ trụ vận động thật nhanh chóng. (2) Cả vũ trụ bao la từ mặt đất đến bầu trời bỗng rực rỡ tươi sáng. (3) Trong chốc lát màu hồng thay thế cho bóng tối đêm tàn. (4) Để nhấn mạnh sự biến đổi mau chóng và triệt để ấy, Bác đã dùng cụm từ “đã thành hồng”, “tảo nhất không”.

Trong đoạn văn trên, tuy từng câu rất đúng ngữ pháp, nhưng người đọc/người nghe vẫn cảm nhận rằng chuỗi sự kiện được nêu lên còn rời rạc và lủng củng. Có thể nhận xét rằng sự sắp xếp các câu trong đoạn văn chưa mạch lạc. Nếu chuyển đổi vị trí của các câu, sắp xếp lại theo thứ tự 1, 4, 3, 2 thì nội dung đoạn văn sẽ trở nên rõ ràng, chặt chẽ và mạch lạc hơn.

Đã nhiều thập kỷ qua, trong nhà trường, từ lớp hai (bậc tiểu học), học sinh đã được rèn luyện viết bài tập làm văn, thế nhưng kết quả đạt được còn rất thấp. Theo một kết quả thống kê, chỉ có khoảng 20% bài viết là diễn đạt rõ ràng và lưu loát; số còn lại, ngoài những lỗi sai về chính tả, dùng từ, đặt câu, bài viết có rất nhiều lỗi về diễn đạt như lủng củng, rời rạc, dài dòng, tối nghĩa, nói chung là thiếu mạch lạc. Những lỗi này chiếm đa số trong bài viết của học sinh và đang gióng lên hồi chuông báo động. Thực trạng trên nếu không sớm được khắc phục sẽ làm hạn chế hiệu quả giao tiếp của tiếng Việt.

Thật vậy, nhiều công trình nghiên cứu Việt ngữ học đã xác định đơn vị giao tiếp là văn bản và chuỗi câu chỉ trở thành văn bản khi mạch lạc; chuỗi câu càng mạch lạc thì nội dung giao tiếp càng đạt hiệu quả. Song, diễn đạt mạch lạc là gì, như thế nào là diễn đạt thiếu mạch lạc, hiện nay, vẫn còn là một câu hỏi lớn.

Vì thế cho nên, chúng tôi đã chọn “*Những vấn đề về mạch lạc văn bản trong bài làm văn của học sinh phổ thông*” làm đề tài nghiên cứu cho luận án.

1.2. Mục đích nghiên cứu

Thực tế cho thấy một trong những yếu tố góp phần quan trọng để giao tiếp thành công chính là sự diễn đạt nội dung một cách khúc chiết và mạch lạc.

Vì vậy, hiện nay, mạch lạc (coherence) đang là một đề tài thu hút nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Các nhà sư phạm, nhất là các giáo viên ngữ văn, cũng rất quan tâm đến vấn đề này. Tất cả đều nhằm mục đích là làm sao cho người nói/ người viết diễn đạt được ý một cách mạch lạc.

Luận án được hình thành không ngoài mục đích chung nêu trên. Chúng tôi cố gắng trình bày một cách cụ thể, chi tiết các vấn đề về mạch lạc; những tiêu chí của một câu văn, đoạn văn và văn bản mạch lạc. Đồng thời, qua kết quả khảo sát ngữ liệu, bước đầu, luận án phác hoạ những yếu tố cơ bản, cần thiết góp phần xây dựng văn bản tập làm văn mạch lạc.

3. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ

Thuật ngữ mạch lạc chỉ mới xuất hiện trong những thập kỷ gần đây, cụ thể là trong giai đoạn thứ hai của việc nghiên cứu văn bản. Rõ ràng, khái niệm mạch lạc văn bản là một vấn đề hoàn toàn không mới nhưng lại rất phức tạp, được đề cập trong những công trình nghiên cứu của A.J. Greimas (1966), T. Todorov (1968), V. Dijk (1973), M.A.K. Halliday và R. Hasan (1976), H.G. Widdowson (1978), D. Beaugrande (1980), G.M. Green (1989), D. Nunan (1993), D. Togeby (1994), G. Brown và G. Yule (Trần Thuần dịch) (2002).

Cụ thể, tác giả V. Dijk (1973), trong công trình nghiên cứu “*Những mô hình của ngữ pháp văn bản*” đã đưa ra ví dụ “*Chúng ta sẽ có một số khách ăn trưa. Calderon (đã) là một nhà văn lớn Tây Ban Nha.*” để lập luận phản bác lại quan điểm cho rằng hai câu đứng gần nhau là có mạch lạc với nhau, ông nhận xét rằng hai câu đứng gần nhau có thể không mạch lạc với nhau. Theo ông, giữa hai câu này không có **hiện tượng nhắc lại từ**, cũng không có **yếu tố câu này chưa rõ nghĩa đòi hỏi phải giải thích bằng yếu tố khác của câu kia** và giữa chúng cũng không dễ dàng gì **thiết lập quan hệ nghĩa với nhau**. Như vậy, rõ ràng qua nhận xét này, ta có thể hiểu được quan niệm của V. Dijk: **mạch lạc ít nhất phải hội tụ đủ ba yếu tố trên** (chúng tôi nhấn mạnh). Quan niệm này thực sự có sức thuyết phục.

Ngữ pháp truyện của T. Todorov (1968), được phát triển lên bởi D. Rumelhart (1975) cùng với các đồng nghiệp của ông là S. Garrod và A. Sanford đều cho rằng tính hợp lý lảng sâu bên trong ngữ pháp truyện là ở chỗ các truyện tuân theo một khuôn hình mềm dẻo nhưng có thể khuôn định trong những quy tắc loại như *quy tắc viết lại* [6, tr.200]. Và theo các tác giả này, cấu trúc nào của ngữ pháp truyện làm thành được cái khung cho mạch lạc của truyện thì cấu trúc đó đúng (tính đúng ở đây, theo Foucault định nghĩa, là một hệ thống các thủ tục được sắp đặt đối với việc sản sinh, điều chỉnh, phân phối, lưu thông và thao tác trong trình bày).

Năm 1976, M.A.K. Halliday và R. Hasan với “*Liên kết trong tiếng Anh*” tuy không nghiên cứu trực tiếp về mạch lạc, nhưng chúng ta có thể hiểu quan niệm về mạch lạc của họ như sau: “... *Chất văn bản bao gồm nhiều hơn, không chỉ là sự có mặt của những quan hệ nghĩa thuộc loại mà chúng tôi quy về liên kết – sự phụ thuộc của yếu tố này vào yếu tố khác để giải thích được nó. Nó bao gồm một chừng mực nào đó của mạch lạc trong các ý nghĩa được diễn đạt: không chỉ hoặc không phải chủ yếu là ở NỘI DUNG, mà ở sự lựa chọn TOÀN BỘ từ các nguồn ý nghĩa của ngôn ngữ đó, bao gồm cả các thành tố liên nhân khác nhau, các thức, các tình thái, các độ mạnh và những hình thái khác nữa mà người nói nhò nhét vào trong tình huống nói*”. [116, tr.22]

Đến năm 1978, H.G. Widdowson với “*Dạy tiếng theo giao tiếp*” đã phân biệt sự liên kết văn bản với mạch lạc diễn ngôn. Theo tác giả, mạch lạc diễn ngôn biểu hiện trong khả năng dung hợp nhau của các hành động nói. Khả năng này thể hiện qua cấu trúc theo qui ước của tương tác lời nói. Chính cấu trúc này cung cấp lời giải thích cho cách thức mà một số phát ngôn rõ ràng là không nối kết với nhau về mặt hình thức (không có liên kết) lại có thể được giải thuyết trong phạm vi một thể loại tương tác lời nói nào đó, tạo ra chuỗi lời nói mạch lạc. Ông đưa ra ví dụ như:

A: *That's the telephone.* (Có điện thoại)
 B: *I'm in the bath.* (Anh đang tắm)